

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Phây và ông Lý Seo Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1994

HKTT: Thôn C 1, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn T, xã M, huyện H, Tuyên Quang

Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Văn H1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21/6/2014, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Văn H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, thực tế chị đã sống ly thân với anh Hiền từ năm 2020. Đến nay nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Đặng Văn H1. Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung là cháu Đặng Thị Huyền T sinh ngày 14/10/2013 và cháu Đặng Hoài N sinh ngày 31/12/2014, cháu T phát triển bình thường còn cháu N bị khuyết tật trí tuệ. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho anh H1 trực tiếp

nuôi dưỡng cả hai cháu, nếu anh H1 yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì chị đồng ý. Ngoài ra chị và anh H1 không có tài sản công nợ chung.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn H1, tại lời khai ngày 09/7/2024 anh H1 trình bày: Anh công nhận có đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị H ngày 05/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Quá trình chung sống anh chị không xảy ra vấn đề gì, không mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau nhưng đến năm 2019 chị H đi làm ăn bên ngoài không quay về sống cùng anh. Anh không tìm hiểu lý do cũng không đi đón chị về, từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh H1 không nhất trí. Về con chung, anh chị có hai con chung theo lời trình bày của chị H là đúng, trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đặng Thị Huyền T và Đặng Hoài N, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thời điểm hiện tại anh và chị H không có tài sản hay công nợ chung.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã hỏi ý kiến cháu Đặng Thị Huyền T và cháu có nguyện vọng muốn ở với bố, Tòa án không hỏi được ý kiến cháu Đặng Hoài N do cháu bị khuyết tật trí tuệ. Ngoài ra Tòa án có xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân và công việc, thu nhập của đương sự. Vụ án này Tòa án không hoà giải được do anh H1 không có mặt tại phiên họp hoà giải.

Tại phiên tòa hôm nay chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, anh H1 vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Đặng Văn H1. Về con chung, xử giao cháu Đặng Thị Huyền T và Đặng Hoài N cho anh Đặng Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị Vũ Thị H2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuyên án phí cho đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn H1, căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Vũ Thị H và anh Đặng Văn H1 có đăng ký kết hôn ngày 05/9/2012 tại

Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng cuộc sống chung của anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung. Bản thân anh H1 thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng anh cũng thừa nhận từ năm 2019 chị H ra ngoài đi làm ăn và không trở về chung sống với anh, anh không tìm hiểu lý do cũng không đi đón chị H về. Theo xác minh tại địa phương thì từ năm 2020 đến nay chị H và anh H1 đã không chung sống cùng nhau là đúng sự thật. Như vậy anh chị sống ly thân không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh H1.

[3]. Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Đặng Thị Huyền T sinh ngày 14/10/2013 và cháu Đặng Hoài N sinh ngày 31/12/2014. Tại phiên toà hôm nay chị H đề nghị Toà án giải quyết cho anh H1 được trực tiếp nuôi cả hai cháu. Theo xác minh của địa phương hiện nay anh H1 là lao động tự do có thu nhập và nơi ở, từ khi anh chị sống ly thân hai cháu đã ở với anh H1 nên anh có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo các cháu được ổn định cuộc sống, chăm sóc tốt nhất thì Hội đồng xét xử cần giao cả hai cháu cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu T phát triển bình thường cần nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, đối với cháu N bị khuyết tật trí tuệ, nhìn, mức độ nặng hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội nên cần phải nuôi dưỡng cho đến khi cháu khỏi bệnh hoặc chết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh H1 không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Đến nay các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Đặng Văn H1.

Quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Đặng Thị Huyền T sinh ngày 14/10/2013 cho anh Đặng Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu cháu Đặng Hoài N sinh ngày

31/12/2014 cho anh Đặng Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu khỏi bệnh hoặc chết.

Chị Vũ Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số **0000937** ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chị đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã P;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Hoàng Thị Giang Thanh